

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2023/HS-ST

Ngày: 28/12/2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Duy Minh

- Ông Nguyễn Sỹ Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Đức Tiến, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm Hội trường xét xử hình sự Toà án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh kết nối với điểm cầu thành phần tại Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2023/TLST-HS, ngày 30 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HS ngày 15/12/2023 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, Sinh năm: 1980; Nơi sinh: phường C, thị xã T, tỉnh An Giang; Nơi cư trú: Khóm C, phường C, thị xã T, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: lớp 0/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn L (đã chết) và bà: Nguyễn Thị B; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Không; Tiền án: có 03, ngày 26/3/2003 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh áp dụng Điểm n, khoản 1, Điều 93 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt xử phạt 13 năm tù về tội Giết người theo Bản án số 409/HSPT. Chấp hành án tại Trại giam X, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đến ngày 28/02/2015 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); Ngày 29/9/2015 bị Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 222/2015/HS-ST. Chấp hành án tại Trại giam K1, tỉnh Kiên Giang đến ngày 21/9/2016 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); Ngày 24/5/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi áp dụng điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt xử phạt 05 năm tù về

tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 18/2018/HS-ST. Chấp hành án tại Trại giam K2, tỉnh Bình Định đến ngày 03/9/2022 chấp hành xong hình phạt tù (chưa được xóa án tích); Nhân thân: Ngày 07/3/2001 bị Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản theo Bản án số 10/HSST. Chấp hành án tại Trại giam M, tỉnh Tiền Giang đến ngày 24/11/2001 chấp hành xong hình phạt tù. (tài sản chiếm đoạt dưới 2.000.000 đồng) thuộc trường hợp được xóa án tích theo Nghị Quyết số 33/2009/QH12, ngày 19/6/2009 của Quốc hội; Ngày 31/10/2023 bị Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xử phạt 48 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 65/2023/HS-ST.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/8/2023 đến ngày 06/12/2023 chuyển thi hành án theo Quyết định thi hành án phạt tù số 91/2023/QĐ-CA của Chánh án Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang bị giam giữ tại Trại tạm giam Công an tỉnh H (có mặt).

*** Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị Hồng K; sinh năm 2007; Nghề nghiệp: Học sinh; Trú tại: xóm H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị hại khuyên: Anh Nguyễn Huy N; sinh năm: 1974; Nghề nghiệp: Nông dân; Địa chỉ: xóm H, xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Thị H; sinh năm: 1970; Nghề nghiệp: Hưu trí ; Trú tại: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (vắng mặt).

*** Người tham gia tố tụng khác:** Cán bộ, chiến sỹ tại điểm cầu thành phần hỗ trợ phiên tòa gồm: đồng chí Võ Kim T1, Đ/c Nguyễn Tiểu C - cán bộ trại tạm giam Công an H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 30 phút đến 02 giờ 00 phút sáng ngày 05/8/2023, tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh H thuộc phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Phạm Văn T thực hiện hai lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

Lần thứ 1: Vào ngày 03/8/2023, Phạm Văn T đón xe khách nam bắc đi từ Thành phố Hồ Chí Minh ra thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh với mục đích tìm kiếm việc làm. Đến khoảng 01 giờ sáng ngày 05/8/2023 thì Phạm Văn T xuống xe khách, đi bộ để vào trung tâm thành phố H. Khi đến khu vực trước Bệnh viện Đa khoa tỉnh H thì T nảy sinh ý định đi vào bệnh viện để trộm cắp tài sản của bệnh nhân lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi Phạm Văn T đi vào tầng 2 của Khoa nội tổng hợp, Bệnh viện Đa khoa tỉnh H, T phát hiện phòng 210 không đóng cửa nên đi vào để tìm tài sản lấy trộm. Khi đi vào bên trong, T phát hiện thấy trên giường bệnh số 36, phía bên phải cửa ra vào có 01 chiếc túi xách màu đen (túi xách đã cũ không còn giá trị) bên trong có số tiền 2.200.000 đồng và phía bên trái

giường bệnh nhân nằm có 01 chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4 màu đen là tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng K (sinh năm 2007, trú tại xã Đ, huyện V, tỉnh Hà Tĩnh). T lấy trộm toàn bộ tài sản trên của chị K rồi đi ra ngoài. Chiếc túi xách sau khi trộm cắp T vứt lại khu vực căng tin của Bệnh viện đa khoa tỉnh H, còn số tiền trộm cắp được của chị K sử dụng vào tiêu xài cá nhân hết. Đối với chiếc điện thoại Samsung Galaxy J4, T vứt lại ở khu vực cổng trường Trung học cơ sở S, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Theo Kết luận định giá tài sản số 36/KL-ĐGTS ngày 23/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H thì 01 chiếc điện thoại di động S1 Galaxy J4 màu đen có trị giá 1.300.000 đồng.

Lần thứ 2: Khoảng 2 giờ 00 phút cùng ngày 05/8/2023, sau khi lấy trộm được tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng K, T đi bộ theo dãy hành lang qua thuộc Khoa Nội tổng hợp, Bệnh viện Đa khoa tỉnh H tiếp tục tìm kiếm sở hữu tại các phòng bệnh để trộm cắp tài sản. Khi đi đến phòng bệnh 209, Khoa Nội tổng hợp, T phát hiện cửa phòng bệnh không đóng, quan sát thấy các bệnh nhân đã ngủ nên T đã lén lút lấy trộm tại giường bệnh đầu tiên phía bên trái cửa ra 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu XiaoMi Redmi 10 màu xám là tài sản của chị Nguyễn Thị H (sinh năm 1970, trú tại xã T, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh). Sau khi trộm cắp chiếc điện thoại, Phạm Văn T đi bằng cầu thang bộ xuống đến căng tin của Bệnh viện Đa khoa tỉnh H cất dấu tài sản trộm cắp vào người rồi đi ra khỏi khu vực Bệnh viện Đa khoa tỉnh H. Trên đường đi lên bến xe thành phố H, T kiểm tra chiếc điện thoại XiaoMi Redmi 10 của chị Nguyễn Thị H có mặt khóa màn hình, không sử dụng được nên Phạm Văn T vứt lại bên lề đường (T không nhớ vị trí cụ thể vứt chiếc điện thoại). Đến ngày 06/8/2023, T đón xe khách chạy hướng Bắc Nam đi khi vào địa bàn thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản thì bị Công an thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh bắt giữ. Quá trình điều tra Phạm Văn T khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của mình.

Theo Kết luận định giá tài sản số 37/KL-ĐGTS ngày 23/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thành phố H xác định: 01 chiếc điện thoại di động XiaoMi Redmi 10 màu xám có trị giá là 3.200.000 đồng.

Bản cáo trạng số 70/CT-VKS-TPHT ngày 27/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Phạm Văn Tùng về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội giữ nguyên quan điểm như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 36 đến 48 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 48 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 65/2023/HS-ST, ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, buộc bị

cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 06/8/2023.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo Phạm Văn T là lao động tự do, hoàn cảnh gia đình khó khăn và hiện đang bị tạm giam nên không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Cần áp dụng các Điều 594, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Hồng K số tiền 2.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.200.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có ý kiến tranh luận, trong phần lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Kiểm sát viên và cơ quan Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về chứng cứ xác định tội danh:

2.1. Tại phiên tòa, Phạm Văn T khai nhận: Trong khoảng thời gian từ 01 giờ 30 phút đến 02 giờ 00 phút ngày 05/8/2023, tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh H thuộc phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, Phạm Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bao gồm: Trộm cắp số tiền 2.200.000 đồng và 01 chiếc điện thoại di động S1 Galaxy J4 màu đen có trị giá 1.300.000 đồng của chị Nguyễn Thị Hồng K; trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động Xiaomi Redmi 10 màu xám có trị giá là 3.200.000 đồng của chị Nguyễn Thị H. Tổng giá trị tài sản mà Phạm Văn T trộm cắp là 6.700.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hành vi của bị cáo là lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu, bí mật lén lút chiếm đoạt tài sản. Mặc dù, giá trị tài sản mà bị cáo chiếm đoạt dưới 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, bị cáo Phạm Văn T đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Lỗi phạm tội này của bị cáo là “tái phạm nguy hiểm”. Đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Như

vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ kết tội Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

2.2. Cần áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt của bản án này và hình phạt 48 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 65/2023/HS-ST, ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3]. *Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:*

3.1. Xét tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo “phạm tội 02 lần trở lên” đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “Thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

3.2. Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy: Mặc dù số tiền mà bị cáo chiếm đoạt không lớn, tuy nhiên bị cáo là đối tượng có nhiều tiền án, có nhân thân nhiều lần bị kết án và bị xử lý hành chính đều về hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà ra tù được thời gian ngắn lại tiếp tục phạm tội. Qua đó, chứng tỏ bị cáo là đối tượng khó giáo dục, cải tạo nên cần phải xét xử bị cáo một mức án nghiêm minh. Cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ điều kiện răn đe, cải tạo và giáo dục đối với bị cáo.

[4]. *Về hình phạt bổ sung:* bị cáo Phạm Văn T là lao động tự do, thu nhập không ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, hiện đang bị tạm giam nên Hội đồng xét xử Quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. *Xét luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị đối với bị cáo Phạm Văn T là thỏa đáng.

[6]. *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại chị Nguyễn Thị Hồng K yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 2.200.000 đồng; bị hại chị Nguyễn Thị H yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 3.200.000 đồng. Xét yêu cầu của chị K, chị H là chính đáng nên được chấp nhận. Cần áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho chị Nguyễn Thị Hồng K số tiền 2.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.200.000 đồng.

[7]. *Về vật chứng vụ án:* Cơ quan điều tra đã thu giữ tại khu vực công trường Trung học cơ sở S, phường H, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh 01 chiếc điện thoại di động S1 Galaxy J4 màu đen, thu giữ tại khu vực căng tin Bệnh viện Đa khoa tỉnh H 01 túi xách màu đen và trả lại cho chị Nguyễn Thị Hồng K là đúng quy định pháp luật.

[8]. *Về án phí:* bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự,

Tuyên bố Phạm Văn T phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt: Phạm Văn T **36 (ba mươi sáu) tháng tù**.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 của Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt **48 (bốn mươi tám) tháng tù**, tại bản án số 65/2023/HS-ST, ngày 31/10/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và hình **phạt 36 (ba mươi sáu) tháng tù** của bản án này. Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **07 (bảy) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam 06/8/2023.

Về dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị Hồng K số tiền 2.200.000 đồng, chị Nguyễn Thị H số tiền 3.200.000 đồng. Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng K, chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu Phạm Văn T không thi hành được, thì hàng tháng Phạm Văn T còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

“...Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 của UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND TP Hà Tĩnh;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở tư pháp Hà Tĩnh;
- Trại tạm giam Công an Hà Tĩnh;
- CQĐT CATP Hà Tĩnh;
- T.H.A.P.T;
- CQTHADS T.P Hà Tĩnh;
- Bị cáo; bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Lưu: HS - VP.

Trần Quốc Dũng